TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 14-3-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Long.

2. Bà Hoàng Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Chánh là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1257/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ N, khu vực P, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Anh Đ, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ N, khu vực P, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng A trình bày:

Chị và anh Trần Anh Đ tìm hiểu nhau 06 tháng rồi tự nguyện kết hôn vào ngày 22-10-1999 tại UBND phường B, thành phố Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 9-2017 phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh Đ có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn không bỏ mà còn quan hệ nhiều hơn. Tuy vợ chồng chị còn sống chung nhà nhưng phần ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay vợ chồng chị không còn tình cảm, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Chị và anh Đ có 02 con chung là Trần Phương T (sinh ngày 14-5-1998) và Trần H (sinh ngày 16-02-2005), sức khỏe bình thường, hiện tại đang sống với cha, mẹ. Khi ly hôn, chị nuôi cháu H và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, còn cháu T đã trưởng thành nên cháu T muốn ở với cha hoặc mẹ là tùy cháu, chị không yêu cầu.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có vay, mượn nợ tài sản của ai.

* Bị đơn anh Trần Anh Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngoài trụ sở Tòa án ngày 17 tháng 01 năm 2018, anh Đ trình bày: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị A khai. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc với nhau từ khi kết hôn đến cách đây 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có quan hệ trên mức bình thường với một người phụ nữ khác nên vợ anh ghen. Hiện nay, anh đã chấm dứt quan hệ với người phụ nữ đó và chăm lo cho vợ con. Vợ chồng anh còn sống chung, anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì việc nuôi con anh theo nguyện vọng của các con; cháu T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu, còn cháu H muốn ở với mẹ thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu H 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vợ chồng anh tự thỏa thuận. Vợ chồng anh không nợ ai.

* Ý kiến của cháu Trần H: Cháu H có nguyện vọng muốn ở với mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận cho ly hôn; buộc chị A chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Hoàng A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Trần Thị Hoàng A và anh Trần Anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Q vào ngày 22-10-1999, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị A và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng chị A và anh Đ đã nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh Đ có quan hệ ngoại tình, không chung thủy với vợ, việc này đã được anh Đ thừa nhận. Từ đó, anh Đ không còn thương yêu, quan tâm đến vợ, làm cho quan hệ vợ chồng bị rạn nứt nghiêm trọng. Tòa án đã kiên trì phân tích, động viên hai bên để nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ không đến Tòa để hòa giải, không tỏ rõ thiện chí cũng như mong muốn níu kéo, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân của mình. Chị A kiên quyết xin ly hôn vì chị không còn tin tưởng vào sự chung thủy của chồng và xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Tòa thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A và anh Đ đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài, nếu cứ tiếp tục duy trì đời sống chung thì cũng không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, việc chị A yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đ là có đủ cơ sở chấp nhận.

[5] Chị A và anh Đ có 02 con chung là Trần Phương T (sinh ngày 14-5-1998) và Trần H (sinh ngày 16-02-2005). Hiện nay, sức khỏe của các cháu bình thường và đang ở chung với cha, mẹ. Cháu T đã thành niên nên có quyền tự do lựa chọn được ở với cha hoặc mẹ, còn cháu H có nguyện vọng muốn ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, phù hợp với yêu cầu nuôi con của chị A và ý kiến trình bày của anh Đ. Chị A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, việc anh Đ cấp dưỡng nuôi con sau khi Tòa án giải quyết ly hôn là sự tự nguyện của anh Đ. Theo Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa giao cháu H cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là chưa phù hợp với nhận định trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hoàng A và anh Trần Anh Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Trần Thị Hoàng A và anh Trần Anh Đ thống nhất có 02 con chung là Trần Phương T (sinh ngày 14-5-1998) và Trần H (sinh ngày 16-02-2005).

2.2. Giao cháu Trần H cho chị Trần Thị Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Hoàng A không yêu cầu anh Trần Anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hoàng A phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005719 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND phường B, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trần Duyên Anh